



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUYÊN THÁI BÌNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 32
8. Phụ lục	33 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0301472704 ngày 06 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 05). Trước thời điểm này Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 115.500.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 8) 38 406 868
Fax : (84 - 8) 35 146 721
Email : info@panpacific.vn
Mã số thuế : 0301472704

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	236/14F Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình tại Đà Nẵng	480 – 482 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động của Công ty là:

- Mua bán quần áo;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ vệ sinh nhà cửa;
- Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ tin học: tư vấn, lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính;
- Dịch vụ thương mại;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính);
- Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ sửa chữa nhà;
- Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng;
- Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ;
- Kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104004961 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309493985 ngày 24 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	100%
Công ty cổ phần thương mại Pan	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 ngày 12 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	80%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn đã cơ cấu lại danh mục đầu tư tài chính theo hướng thu hẹp với tổng giá trị đầu tư giảm so với đầu năm là 90.250.367.648 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đã chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết số 01-04/2011/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 4 năm 2011 với số tiền là 15.825.000.000 VND (1.500 VND/cổ phiếu).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hà Thị Thanh Vân	Chủ tịch	09 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Ủy viên	09 tháng 4 năm 2011	-
Ông Hoàng Đức Hòa	Ủy viên	17 tháng 10 năm 2006	-
Bà Lê Mai Hương	Ủy viên	05 tháng 5 năm 2007	-
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	12 tháng 4 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Trường	Trưởng ban	09 tháng 4 năm 2011	
Bà Tạ Thị Ngũ Linh	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010	09 tháng 4 năm 2011
	Thành viên	09 tháng 4 năm 2011	
Bà Vũ Thị Ngân	Thành viên	31 tháng 8 năm 2005	09 tháng 4 năm 2011
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	05 tháng 5 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	31 tháng 8 năm 2005	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 8 năm 2005	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc


Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Nguyễn Văn Khải

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2011

Số: 0792/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình chưa xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn của cổ phiếu chưa niêm yết và đầu tư dài hạn khác với giá trị đầu tư ghi sổ lần lượt là 4.700.000.000 VND (xem thuyết minh V.2) và 4.698.000.000 VND (xem thuyết minh V.13) do Công ty chưa thu thập được thông tin về giá thị trường của cổ phiếu này cũng như chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình tài chính của các công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề lưu ý trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV



Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0954/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.886.767.814	245.750.149.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	100.454.247.685	56.985.569.611
1. Tiền	111		15.295.546.726	20.225.569.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.158.700.959	36.760.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.355.162.306	127.660.282.919
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	39.946.576.759	130.196.944.407
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.591.414.453)	(2.536.661.488)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.846.635.755	48.502.764.693
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	28.088.047.000	20.073.481.771
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	51.835.180.456	25.983.434.260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	123.709.539	2.646.149.902
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(200.301.240)	(200.301.240)
IV. Hàng tồn kho	140		11.261.352.775	9.839.763.528
1. Hàng tồn kho	141	V.8	11.261.352.775	9.839.763.528
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.969.369.293	2.761.768.764
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		794.133.164	178.658.830
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		299.397.947	366.488.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.241.297.800	1.241.297.800
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.634.540.382	975.323.861

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.175.713.941	51.325.674.446
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.646.151.501	23.077.849.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.008.478.226	20.481.934.290
<i>Nguyên giá</i>	222		32.810.094.425	29.935.338.334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.801.616.199)	(9.453.404.044)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	424.319.808	2.278.608.744
<i>Nguyên giá</i>	225		2.306.264.929	5.859.726.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.881.945.121)	(3.581.117.556)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.677.692	11.674.410
<i>Nguyên giá</i>	228		86.197.649	86.197.649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(79.519.957)	(74.523.239)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		206.675.775	305.632.278
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.198.000.000	17.198.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	17.198.000.000	17.198.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.482.734.854	3.550.581.158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.432.724.755	2.565.447.416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	640.015.615	606.251.900
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	409.994.484	378.881.842
VI. Lợi thế thương mại	269	V.17	6.848.827.586	7.499.243.566
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		282.062.481.755	297.075.823.961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		38.962.617.629	36.607.464.346
I. Nợ ngắn hạn	310		38.201.062.314	35.540.983.238
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	17.770.947	198.645.897
2. Phải trả người bán	312	V.19	5.202.821.584	4.384.458.933
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	1.687.922.737	458.256.756
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	2.767.297.537	4.910.353.668
5. Phải trả người lao động	315	V.22	16.282.049.032	18.365.510.844
6. Chi phí phải trả	316	V.23	826.984.402	1.801.995.952
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	6.746.951.718	858.390.347
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	193.428.921	125.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	4.475.835.436	4.438.370.841
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		761.555.315	1.066.481.108
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	157.466.500	157.466.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	-	258.236.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	169.452.931	143.448.158
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	434.635.884	507.330.450
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.116.096.082	259.316.897.756
I. Vốn chủ sở hữu	410		242.116.096.082	259.316.897.756
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	115.500.000.000	115.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	108.248.900.000	108.248.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.31	(16.904.100.720)	(16.904.100.720)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	6.905.188.560	6.417.328.186
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	6.944.978.901	6.466.579.399
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	21.421.129.341	39.588.190.891
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	983.768.044	1.151.461.859
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		282.062.481.755	297.075.823.961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		203,51	200,00
Euro (EUR)		50,99	50,82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.516.551.911	92.646.473.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	111.516.551.911	92.646.473.114
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.838.587.499	77.674.850.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.677.964.412	14.971.622.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.414.831.630	14.187.466.133
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.516.256.635	6.148.090.525
Trong đó: chi phí lãi vay	23		994.263.317	63.544.715
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.121.371.331	1.971.471.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.235.403.628	11.251.009.003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.219.764.448	9.788.517.178
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.344.848.340	169.405.909
12. Chi phí khác	32	VI.8	811.722.755	10.302.481
13. Lợi nhuận khác	40		533.125.585	159.103.428
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.752.890.033	9.947.620.606
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	2.440.814.309	2.535.341.832
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(7.758.943)	(6.447.701)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.319.834.667</u>	<u>7.418.726.475</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39.928.453	(62.998.954)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.279.906.214	7.481.725.429
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>121</u>	<u>743</u>



Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.752.890.033	9.947.620.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11, V.12	2.094.947.247	2.040.238.828
- Các khoản dự phòng	03	V.3	54.752.965	4.701.107.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	47.916.787	(25.277.374)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(6.025.501.890)	(2.356.276.998)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	994.263.317	63.544.715
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		919.268.459	14.370.957.502
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.289.282.253)	(56.846.607.472)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.421.589.247)	(2.476.785.826)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.246.401.514)	26.495.013.563
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(482.751.672)	651.054.986
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(2.004.204.983)	(63.544.715)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(4.466.153.265)	(4.513.346.153)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		332.052.358	812.156.491
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.378.571.661)	(5.373.945.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.037.633.778)	(26.945.046.816)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.456.189.987)	(674.724.848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	549.000.000	154.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(80.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	80.000.000.000	11.562.440.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(447.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	8.677.109.518	2.201.731.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		87.769.919.531	(67.203.407.850)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

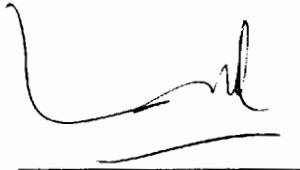
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

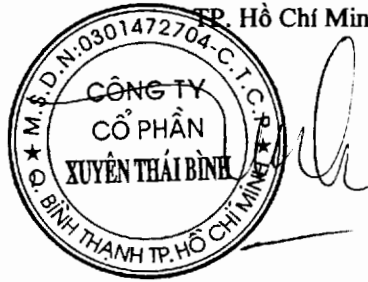
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	57.750.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.28	(439.110.950)	(52.835.325)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(610.716.353)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(15.825.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.264.110.950)	57.086.448.322
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		43.468.174.803	(37.062.006.344)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	56.985.569.611	83.666.276.875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		503.271	2.095.929
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	100.454.247.685	46.606.366.460

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

02C
CỘ
CH M
IỂM
TL
TF

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty cổ phần thương mại Pan	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80%	80%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 4.164 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 4.488 nhân viên).

7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Trong kỳ, Tập đoàn đã cơ cấu lại danh mục đầu tư tài chính theo hướng thu hẹp với tổng giá trị đầu tư giảm so với đầu năm là 90.250.367.648 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính 03% trên doanh thu các hàng hóa có yêu cầu bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- **Thặng dư vốn cổ phần:** chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

17. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

47448-C

G TY
C N HỮU H
TOÁN VÀ
VẤN

HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.620.085.830	794.927.165
Tiền gửi ngân hàng	13.675.460.896	19.430.642.446
Các khoản tương đương tiền (*)	85.158.700.959	36.760.000.000
Cộng	<u>100.454.247.685</u>	<u>56.985.569.611</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		34.872.015.509		50.196.944.407
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	180.300	7.598.921.322	136.000	5.915.104.410
- Công ty cổ phần địa ốc An Lạc (*)	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
- Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (*)	92.400	3.500.000.000	92.400	3.500.000.000
- Công ty cổ phần Đại Nam (*)	47.000	4.700.000.000	47.000	4.700.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông	11	566.946	319.711	15.627.490.980
- Công ty cổ phần FPT	-	-	100.000	6.830.656.180
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	960	22.902.019
- Công ty cổ phần Long Hậu	76.300	4.600.515.962	76.280	4.600.486.608
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	5.000	97.541.191	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần hải sản Hùng Vương	306.640	5.233.935.978	-	-
- Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú	6.500	140.229.900	-	-
- Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển	6	304.210	6	304.210
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	80.000	80.000.000.000
Hợp tác kinh doanh ngắn hạn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	5.074.561.250	-	-
Cộng		39.946.576.759		130.196.944.407

(*) Cổ phiếu các công ty chưa niêm yết.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre: tăng do mua 44.300 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.683.816.912 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông: giảm do bán 319.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 15.626.924.034 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần FPT:
 - Tăng do mua 70.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.368.720.000 VND.
 - Giảm do bán 170.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 11.199.376.180 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn:
 - Tăng do mua 659.040 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 19.680.261.960 VND.
 - Giảm do bán 660.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 19.703.163.979 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Long Hậu:
 - Tăng do mua 50 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.838.670 VND.
 - Giảm do bán 30 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.809.316 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang:
 - Tăng do mua 5.570 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 108.660.888 VND.
 - Giảm do bán 570 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 11.119.697 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần hải sản Hùng Vương: tăng do mua mới trong kỳ.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú: tăng do mua mới trong kỳ.
- Trái phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn: giảm do đáo hạn trái phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.536.661.488
Trích lập dự phòng bổ sung	213.953.075
Số hoàn nhập	(159.200.110)
Số cuối kỳ	2.591.414.453

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	5.047.445.651	4.687.626.286
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	1.033.566.431	813.942.359
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.943.345.003	4.304.206.253
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	17.063.689.915	10.267.706.873
Cộng	28.088.047.000	20.073.481.771

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	50.272.703.502	25.277.244.108
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	1.394.137.959	55.376.751
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	12.540.000	44.361.000
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	155.798.995	606.452.401
Cộng	<u>51.835.180.456</u>	<u>25.983.434.260</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi trái phiếu của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	2.400.000.000
Các khoản khác	123.709.539	246.149.902
Cộng	<u>123.709.539</u>	<u>2.646.149.902</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	56.252.000	56.252.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	144.049.240	144.049.240
Cộng	<u>200.301.240</u>	<u>200.301.240</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.972.630.867	2.671.235.305
Công cụ, dụng cụ	109.364.321	132.250.270
Hàng hóa	7.179.357.587	7.036.277.953
Cộng	<u>11.261.352.775</u>	<u>9.839.763.528</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	460.357.282	368.288.861
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.174.183.100	607.035.000
Cộng	<u>1.634.540.382</u>	<u>975.323.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.711.239.480	8.964.516.247	5.331.504.874	928.077.733	29.935.338.334
Mua sắm mới	-	692.752.567	767.716.364	94.677.559	1.555.146.490
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	3.553.461.371	-	-	3.553.461.371
Thanh lý, nhượng bán	(355.339.981)	-	(1.878.511.789)	-	(2.233.851.770)
Số cuối kỳ	14.355.899.499	13.210.730.185	4.220.709.449	1.022.755.292	32.810.094.425
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	386.370.000	-	386.370.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.323.342.234	3.550.857.348	2.987.465.843	591.738.619	9.453.404.044
Khấu hao trong kỳ	648.182.028	960.448.146	211.078.526	120.723.281	1.940.431.981
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	1.848.690.983	-	-	1.848.690.983
Thanh lý, nhượng bán	(76.753.436)	-	(1.364.157.373)	-	(1.440.910.809)
Số cuối kỳ	2.894.770.826	6.359.996.477	1.834.386.996	712.461.900	11.801.616.199
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.387.897.246	5.413.658.899	2.344.039.031	336.339.114	20.481.934.290
Số cuối kỳ	11.461.128.673	6.850.733.708	2.386.322.453	310.293.392	21.008.478.226
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc và thiết bị dịch vụ vệ sinh. Chi tiết phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.859.726.300	3.581.117.556	2.278.608.744
Tăng trong kỳ	-	149.518.548	
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.553.461.371)	(1.848.690.983)	
Số cuối kỳ	2.306.264.929	1.881.945.121	424.319.808

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	86.197.649	74.523.239	11.674.410
Tăng trong kỳ	-	4.996.718	
Số cuối kỳ	86.197.649	79.519.957	6.677.692

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản chứng khoán Sài Gòn	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần Việt Tín	4.698	4.698.000.000	4.698	4.698.000.000
Công ty cổ phần cơ - điện - môi trường Lilama	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Cộng		17.198.000.000		17.198.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	2.413.007.014	785.263.529	(884.600.066)	2.313.670.477
Chi phí khác	152.440.402	69.352.546	(102.738.670)	119.054.278
Cộng	2.565.447.416	854.616.075	(987.338.736)	2.432.724.755

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	606.251.900
Phát sinh trong kỳ	99.160.975
Hoàn nhập trong kỳ	(65.397.260)
Số cuối kỳ	640.015.615

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Lợi thế thương mại

Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình cho rằng giá trị sổ sách của Công ty TNHH Liên Thái Bình tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

Giá trị lợi thế thương mại	13.008.319.600
Số đã phân bổ	
- Số phân bổ đầu năm	(5.509.076.034)
- Số phân bổ trong kỳ	(650.415.980)
- Lũy kế số phân bổ cuối kỳ	(6.159.492.014)
Số còn phải phân bổ cuối kỳ	6.848.827.586

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.28)	-	163.104.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (*)	17.770.947	35.541.897
Cộng	17.770.947	198.645.897

(*) Nợ thuê tài chính đến hạn trả cho Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	163.104.000	(163.104.000)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	35.541.897	(17.770.950)	17.770.947
Cộng	198.645.897	(180.874.950)	17.770.947

19. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	2.372.147.037	371.317.403
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	867.564.590	1.911.437.022
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	364.511.283	288.815.802
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	1.598.598.674	1.812.888.706
Cộng	5.202.821.584	4.384.458.933

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	321.932.543	321.932.543
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	1.357.192.255	109.080.210
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.905.056	-
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	3.892.883	27.244.003
Cộng	1.687.922.737	458.256.756

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.717.300.767	9.664.738.796	(9.793.882.785)	1.588.156.778
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.983.835	374.326.187	(359.397.262)	18.912.760
Thuế xuất, nhập khẩu	3.744.297	239.837.925	(243.582.222)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.837.723.119	2.440.814.309	(4.466.153.265)	(187.615.837)
Thuế thu nhập cá nhân	106.303.850	622.109.450	(621.867.264)	106.546.036
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Cộng	3.669.055.868	13.352.826.667	(15.495.882.798)	1.525.999.737

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ bao gồm:

- Số phải nộp	1.053.681.963
- Số nộp thừa	(1.241.297.800)
Cộng	(187.615.837)

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất: 0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

- Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	663.770.351
- Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	(2.557.104)
- Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình	1.779.601.062
Cộng	<u>2.440.814.309</u>

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 còn phải trả và trích trước tiền lương tháng 13.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi trả chậm hợp đồng mua chứng khoán - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	697.555.556	1.707.497.222
Chi phí khác	129.428.846	94.498.730
Cộng	<u>826.984.402</u>	<u>1.801.995.952</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	331.812.274	536.507.405
Bảo hiểm xã hội	959.285.159	122.066.182
Bảo hiểm thất nghiệp	193.325.340	119.263.340
Lãi tiền gửi ngân hàng ứng trước phải trả khi đáo hạn trước thời hạn hợp đồng	5.014.116.511	-
Cổ tức phải trả	180.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	68.412.434	80.553.420
Cộng	<u>6.746.951.718</u>	<u>858.390.347</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Khoản trích trước chi phí bảo hành sản phẩm tại Công ty cổ phần thương mại Pan.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.438.370.841
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.683.330.156
Chi quỹ	(2.508.388.561)
Giảm khác	(137.477.000)
Số cuối kỳ	<u>4.475.835.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền thế chân của cán bộ, công nhân viên.

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	258.236.000
Số tiền vay đã trả	<u>(258.236.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	143.448.158
Phát sinh trong kỳ	<u>26.004.773</u>
Số cuối kỳ	<u>169.452.931</u>

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	507.330.450
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	<u>(72.694.566)</u>
Số cuối kỳ	<u>434.635.884</u>

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 33.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (1.500 VND/cổ phiếu/15% mệnh giá)	15.825.000.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	<u>15.825.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.550.000	10.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	1.151.461.859
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	39.928.453
Chia cổ tức	(180.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(27.622.268)
Số cuối kỳ	983.768.044

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.174.828.296	2.346.202.462
Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.341.723.615	90.300.270.652
Cộng	111.516.551.911	92.646.473.114

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.468.359.621	1.330.220.198
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	88.370.227.878	76.344.630.683
Cộng	89.838.587.499	77.674.850.881

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.986.942.298	1.504.385.043
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	110.578.620	423.349.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.359.361.500	697.346.500
Lãi hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	923.139.053	11.485.097.134
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.810.159	52.010.852
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	25.277.374
Cộng	6.414.831.630	14.187.466.133

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	994.263.317	63.544.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.994.373	61.430.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.916.787	-
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	204.919.613	717.785.936
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	8.013.409.580	604.221.408
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	54.752.965	4.701.107.725
Cộng	9.516.256.635	6.148.090.525

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.134.398.003	449.976.198
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.477.531	2.965.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.100.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.300.988	1.122.198.330
Chi phí khác	750.194.809	393.231.076
Cộng	2.121.371.331	1.971.471.660

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.062.615.603	5.587.083.573
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	764.883.714	514.487.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	969.652.825	982.252.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.247.709.426	2.756.517.571
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	650.415.980	650.415.980
Chi phí khác	1.540.126.080	760.251.554
Cộng	13.235.403.628	11.251.009.003

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	549.000.000	154.545.455
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	767.666.026	-
Thu nhập khác	28.182.314	14.860.454
Cộng	1.344.848.340	169.405.909

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	792.940.961	-
Chi phí khác	18.781.794	10.302.481
Cộng	811.722.755	10.302.481

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(33.763.716)	(56.658.210)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế Cộng	26.004.773	50.210.509
	(7.758.943)	(6.447.701)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	1.279.906.214	7.481.725.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.279.906.214	7.481.725.429
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	10.550.000	10.064.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	743

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.550.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 trong kỳ trước	-	284.063
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 trong kỳ trước từ thặng dư vốn cổ phần	-	350.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 trong kỳ trước	-	2.430.833
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.550.000	10.064.896

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 321.841.255 VND (kỳ trước là 237.879.090 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.190.010.000	1.252.286.000
Tiền thưởng	20.000.000	-
Cộng	1.210.010.000	1.252.286.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Bà Hà Thị Thanh Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi trái phiếu	800.000.000	-
Cho thuê văn phòng	190.179.560	-
Thu lãi hợp tác kinh doanh	123.139.053	-
Lãi vay phải trả phát sinh từ hợp đồng mua cổ phiếu	967.729.167	-
Trả trước tiền mua cổ phiếu	25.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền mua cổ phiếu	50.100.000.000	25.100.000.000
Phải thu lãi trái phiếu	-	2.400.000.000
Phải thu tiền cho thuê dịch vụ	34.828.640	-
Cộng nợ phải thu	50.134.828.640	27.500.000.000
Phải trả lãi vay	697.555.556	1.707.497.222
Cộng nợ phải trả	697.555.556	1.707.497.222

2. Thông tin về bộ phận

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 34 đến trang 36.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ tập trung chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ vệ sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thuê hoạt động

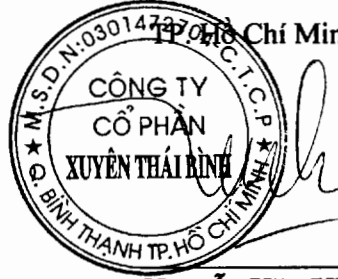
Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	822.104.724	674.508.000
Trên 01 năm đến 05 năm	3.042.964.353	3.516.582.000
Trên 05 năm	3.463.824.000	3.332.032.000
Cộng	<u>7.328.893.077</u>	<u>7.523.122.000</u>



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khai
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	96.000.000.000	-	5.697.345.752	5.746.596.965	23.621.549.739	201.065.492.456
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	20.022.963.921	20.022.963.921
Tăng vốn từ thặng dư	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu	38.500.000.000	19.250.000.000	-	-	-	-	57.750.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.100.000)	-	-	-	-	(1.100.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(16.904.100.720)	-	-	-	(16.904.100.720)
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	-	719.982.434	719.982.434	(4.056.322.769)	(2.616.357.901)
Số dư cuối năm trước	115.500.000.000	108.248.900.000	(16.904.100.720)	6.417.328.186	6.466.579.399	39.588.190.891	259.316.897.756
Số dư đầu năm nay	115.500.000.000	108.248.900.000	(16.904.100.720)	6.417.328.186	6.466.579.399	39.588.190.891	259.316.897.756
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.279.906.214	1.279.906.214
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.825.000.000)	(15.825.000.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	487.860.374	478.399.502	(3.621.967.764)	(2.655.707.888)
Số dư cuối kỳ	115.500.000.000	108.248.900.000	(16.904.100.720)	6.905.188.560	6.944.978.901	21.421.129.341	242.116.096.082

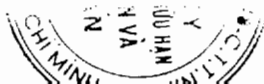
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

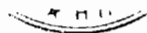
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.277.689.772	5.496.499.953	80.742.362.186	-	111.516.551.911
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.277.689.772	5.496.499.953	80.742.362.186	-	111.516.551.911
Chi phí bộ phận	22.947.401.741	4.853.514.477	73.841.838.457	-	101.642.754.675
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.330.288.031	642.985.476	6.900.523.729	-	9.873.797.236
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					3.552.607.783
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.321.189.453
Doanh thu hoạt động tài chính					6.414.831.630
Chi phí tài chính					(9.516.256.635)
Thu nhập khác					1.344.848.340
Chi phí khác					(811.722.755)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.440.814.309
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(7.758.943)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.319.834.667
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	2.310.806.062
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	3.082.285.983
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

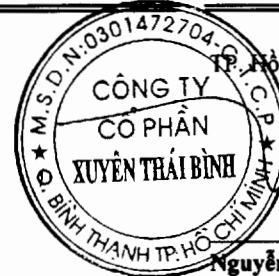
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực địa lý (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.816.870.325	2.826.028.609	68.003.574.180	-	92.646.473.114
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.816.870.325	2.826.028.609	68.003.574.180	-	92.646.473.114
Chi phí bộ phận	19.378.043.888	2.534.722.803	64.036.515.685	-	85.949.282.376
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.438.826.437	291.305.806	3.967.058.495	-	6.697.190.738
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					4.948.049.168
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1.749.141.570
Doanh thu hoạt động tài chính					14.187.466.133
Chi phí tài chính					(6.148.090.525)
Thu nhập khác					169.405.909
Chi phí khác					(10.302.481)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.535.341.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.447.701)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.418.726.475
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					3.907.669.996
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					4.636.670.109
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

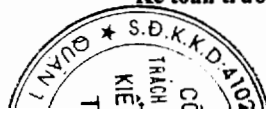
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

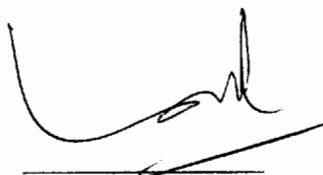
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực địa lý (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

	<u>Khu vực Miền Bắc</u>	<u>Khu vực Miền Trung</u>	<u>Khu vực Miền Nam</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					282.062.481.755
Tổng tài sản					282.062.481.755
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					38.962.617.629
Tổng nợ phải trả					38.962.617.629
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					297.075.823.961
Tổng tài sản					297.075.823.961
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					36.607.464.346
Tổng nợ phải trả					36.607.464.346

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc